

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày 24 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trịnh Trung Tuyến**

- Ông **Lê Đăng Thiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Công** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Tiến Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022;

Đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Văn T**, sinh ngày: 10/10/1974; tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 12, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Trịnh Văn C (đã chết) và bà Phan Thị H. Gia đình có 05 người con, bị cáo là con thứ tư; Vợ là Doãn Thị L, sinh năm 1979; Có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **An Văn C**, sinh ngày: 20/10/1984; tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 12, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông An Văn N và bà

Huỳnh Thị T. Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai; Vợ là: Cao Thị T, có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Công ty TNHH và SXTM Đ, địa chỉ: Thôn 12, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện: Ông Nguyễn Thế C – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế M – Chức vụ: Quản lý sản xuất Công ty TNHH và SXTM Đ. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn 12, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn Đội 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/5/2022, An Văn C, sinh năm 1984, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 36K8-4958 chở Trịnh Văn T, sinh năm 1974 (đều trú tại thôn 12, xã X, huyện T) đi uống bia tại quán Dừng Tài ở thôn 12, xã X, huyện T. Tại đây, C nói về việc máy hàn bị hỏng, không có máy để đi làm. Do trước đây, T có làm công nhân ở Công ty trách nhiệm hữu hạn và sản xuất thương mại Đ (Công ty Đ) ở thôn 12, xã X, huyện T và biết trong công ty có nhiều máy móc, thiết bị. Vì vậy, T rủ C đi đến công ty để trộm cắp máy hàn mang về sử dụng thì C đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C lấy xe chở T đi đến khu công sau của công ty. T nói với C ở ngoài cảnh giới, còn T trèo qua tường rào, đi vào kho nguyên liệu của công ty thì thấy 01 máy hàn và 01 cuộn dây điện nguồn. Khi T định lấy thì thấy có người đi xe máy qua, sợ bị phát hiện nên T đi sang khu hầm sấy của công ty. Tại đây, T gặp anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1970, trú cùng thôn) và anh Phạm Văn K (sinh năm 1991, trú tại thôn Đội 3, xã X) đang làm công nhân của công ty. T lại hỏi thăm anh K và anh B để tránh nghi ngờ. Một lúc sau, T quay lại kho nguyên liệu của công ty, thấy không có ai thì T lấy máy hàn và cuộn dây điện nguồn đi ra phía tường rào đưa cho C. Sau đó, T tiếp tục quay lại kho nguyên liệu, thấy trên thùng xe cải tiến có 01 máy bắn cốt lazer, 01 máy bơm nước, 01 máy khoan bắn vít, 01 cuộn dây điện nguồn và 01 máy khoan bê tông. T kéo cả

thùng xe đi ra phía tường rào chỗ C. C ở bên ngoài chờ lâu nên trèo tường rào vào trong công ty tìm T. Khi vào trong, C thấy T đang kéo thùng xe cải tiến đi lại thì hỏi “Cái gì mà cả xe vậy anh”. T trả lời “Xe đồ”, C biết trên xe có các thiết bị của nhà máy nên chạy lại đẩy thùng xe với T về phía tường rào. T trèo ra phía ngoài còn C đứng bên trong nâng các máy móc, thiết bị đưa qua cho T để lên xe máy. Sau đó, cả hai đưa các tài sản đã trộm cắp được về nhà T cất giấu. (Bút lục 85-86, 105- 106)

Sáng ngày 18/5/2022, anh Nguyễn Thế M (sinh năm 1993, trú tại phường 07A/14 Trần B Trọng, Phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa) là quản lý của công ty phát hiện các tài sản bị mất trộm đã trình báo cơ quan Công an. Đến chiều cùng ngày, Trịnh Văn T và An Văn C đã đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp các tài sản đã trộm cắp được. Cụ thể:

- Trịnh Văn T giao nộp: 01 máy hàn kim loại nhãn hiệu JASIC TIG 250; 01 máy bắn cos tia laser nhãn hiệu YAMASU; 01 máy bơm nước nhãn hiệu DAPHOVINA; 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu XIMAX; 01 máy khoan bắn vít nhãn hiệu ETP; 01 cuộn dây điện nguồn máy hàn; 01 cuộn dây điện; 01 áo phông màu đỏ có cổ, trên ngực trái có dòng chữ GHRD. Các tài sản trên đều đã qua sử dụng.

- An Văn C giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, BKS 36K8-4958; 01 áo phông màu xám cổ tròn, trên ngực trái có dòng chữ Adibas. Các tài sản trên đều đã qua sử dụng.

Ngày 19/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản trên. Ngày 23/5/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T có Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG kết luận: Giá trị còn lại của tài sản cần định giá là 6.829.550 đồng.

Ngày 26/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số đối với 01 file video ghi hình đối tượng trộm cắp tài sản tại Công ty Đ. Ngày 27/6/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép hình ảnh trong file video gửi giám định.

Về phần dân sự: Đại diện Công ty Đ đã nhận lại các tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu Trịnh Văn T, An Văn C phải bồi thường.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 36K8-4958 là của ông An Văn Ngoạn (bố đẻ An Văn C). Ông Ngoạn không biết việc C sử dụng xe đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã lại cho ông Ngoạn.

Về tang vật thu giữ gồm: 01 áo phông màu đỏ có cổ, trên ngực trái có dòng chữ GHRD và 01 áo phông màu xám, cổ tròn, trên ngực trái có dòng chữ Adibas. Hiện đang được quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKSTX ngày 29/7/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi vào ngày 17/5/2022 có trộm cắp của Công ty TNHH và SXTM Đ số tài sản có tổng giá trị 6.829.550 đồng đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung kết luận định giá.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng; xử phạt bị cáo An Văn C từ 05 tháng đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông màu đỏ có cổ, trên ngực trái có dòng chữ GHRD và 01 áo phông màu xám, cổ tròn, trên ngực trái có dòng chữ Adibas.

Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản

khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 17/5/2022, Trịnh Văn T đã rủ An Văn C trộm cắp các máy móc, thiết bị của Công ty Đ ở thôn 12, xã X, huyện T. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.829.550 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý, bảo vệ tài sản trong công ty mình đã từng làm việc, đã bất chấp pháp luật để chiếm đoạt tài sản của công ty. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất B trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo tuy có việc bàn bạc và sự thống nhất ý chí, nhưng vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo T là người rủ rê bị cáo C, T cũng trực tiếp trèo vào Công ty để trộm cắp tài sản và sau đó mang về nhà T cất dấu, C làm nhiệm vụ canh giới và hỗ trợ cho T do đó bị cáo T có vai trò lớn hơn bị cáo C trong vụ án.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Ngoài ra các bị cáo còn tự nguyện ra đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình và giao trả các tài sản đã chiếm đoạt, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, xét không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại là Công ty TNHH và SXTM Đ, người đại diện của công ty không có yêu cầu bồi thường gì, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về các tính tiết liên quan đến vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 36K8-4958 là của ông An Văn Ngoạn (bố đẻ bị cáo An Văn C). Ông Ngoạn không biết việc C sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã lại cho ông Ngoạn là phù hợp.

[10] Về tang vật thu giữ: 01 áo phong màu đỏ có cổ, trên ngực trái có dòng chữ GHRD và 01 áo phong màu xám, cổ tròn, trên ngực trái có dòng chữ Adibas. Đều không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: các bị cáo Trịnh Văn T, An Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo An Văn C 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 áo phông màu đỏ có cổ, trên ngực trái có dòng chữ GHRD.
- 01 áo phông màu xám, cổ tròn, trên ngực trái có dòng chữ Adibas.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 74 ngày 04/8/2022.

3. Về án phí: Các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trịnh Văn T và An Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tuấn